

Tuần 5 – Hướng dẫn tìm hiểu nội dung bài 3
Thực hiện tính toán trên trang tính

(Đọc sách giáo khoa và rút ra các nội dung bài học)

1 Sử dụng công thức để tính toán

Khả năng hỗ trợ tính toán là một điểm ưu việt của các chương trình bảng tính. Với chương trình bảng tính, em có thể sử dụng công thức (từ đơn giản đến phức tạp) để thực hiện các tính toán với dữ liệu số một cách nhanh chóng, chính xác và lưu lại kết quả tính toán, đặc biệt là với các số lớn hoặc số có nhiều chữ số thập phân. Hơn thế nữa, khi tính toán bằng công thức với dữ liệu đã được nhập vào ô tính, nếu dữ liệu đó thay đổi, kết quả tính toán sẽ được cập nhật ngay mà không cần thực hiện lại việc tính toán.

Trong môn Toán em thường tính toán các biểu thức, ví dụ $(7 + 5) / 2$, $13 \times 2 - 8$. Các công thức cũng được dùng trong bảng tính. Dưới đây là một số kí hiệu phép toán thường dùng:

25

Kí hiệu các phép toán trong Excel:

- | | |
|---------|--------------|
| - Cộng: | - Lũy thừa: |
| - Trừ: | - Phần trăm: |
| - Nhân: | |
| - Chia: | |

Phép toán	Kí hiệu toán	Kí hiệu trong Excel	Ví dụ trong Excel
Phép cộng	+	+	13 + 5
Phép trừ	-	-	21 - 7
Phép nhân	×	*	3*5
Phép chia	:	/	18/2
Phép nâng lên lũy thừa	a^x (a là cơ số, x là số mũ)	^	6^2
Phép tính phần trăm	%	%	6%

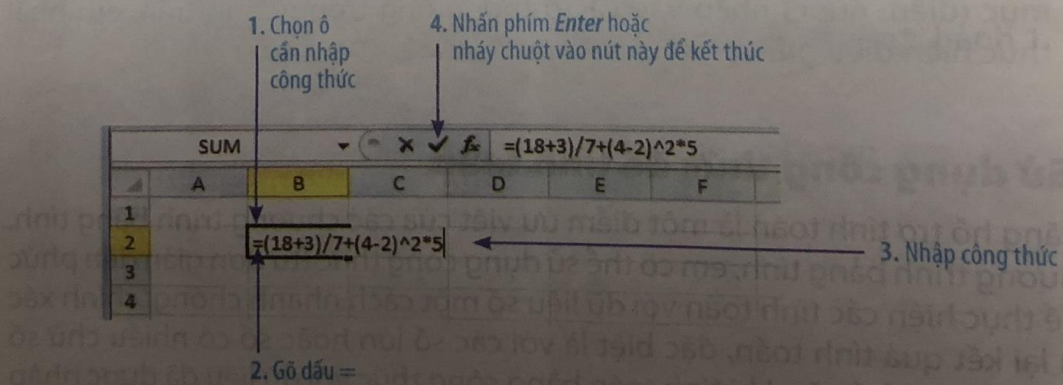
Các phép toán trong công thức được thực hiện theo trình tự thông thường: Các phép toán trong các cặp dấu ngoặc đơn "(" và ")" được thực hiện trước, sau đó đến phép nâng lên lũy thừa, tiếp theo là các phép nhân và phép chia, cuối cùng là các phép cộng và phép trừ.

Lưu ý: Chỉ sử dụng dấu ngoặc đơn, không sử dụng dấu ngoặc vuông "[", "]" hay dấu ngoặc nhọn "{", "}".

2 Nhập công thức

 Khi nhập công thức vào một ô, đầu tiên em cần gõ dấu =.

Các bước thực hiện lần lượt như hình 1.20:



Hình 1.20. Nhập công thức

Nếu chọn một ô không có công thức, nội dung hiển thị trên thanh công thức giống với dữ liệu trong ô. Nếu chọn ô có công thức, em sẽ thấy nội dung công thức được hiển thị trên thanh công thức, còn trong ô là kết quả tính toán theo công thức đó (hình 1.21).

A2					
	A	B	C	D	E
1					
2					
3					
4					
5					

Công thức được hiển thị ở đây

Kết quả tính toán theo công thức

Hình 1.21. Hiển thị công thức và kết quả tính

3 Sử dụng địa chỉ trong công thức

Ví dụ: Trong ô A1 có dữ liệu số 12, ô B1 có dữ liệu số 8. Nếu muốn tính trung bình cộng của nội dung hai ô A1 và B1 em có thể nhập công thức $=(12+8)/2$ trong ô C1 chẳng hạn (hình 1.22a).

AVERAGE					
	A	B	C	D	E
1	12	8	$=(12+8)/2$		
2					
3					
4					

Hình 1.22a. Minh họa công thức tính toán

? Nếu dữ liệu trong ô A1 được sửa lại thành 22, kết quả tính trong ô C1 có còn đúng không? Để vẫn có kết quả đúng, em phải thực hiện điều gì?

Em đã biết địa chỉ của một ô là cặp tên cột và tên hàng mà ô đó nằm trên, ví dụ: A1, B5, D23. Trong các công thức tính toán với dữ liệu có trong các ô, dữ liệu đó thường được cho thông qua địa chỉ của các ô (hoặc hàng, cột hay khối).

Để kết quả trong ô C1 được tự động cập nhật, em có thể thay số 12 bằng địa chỉ của ô A1 và số 8 bằng địa chỉ của ô B1 trong công thức.

Với ví dụ trên, thay cho công thức $=(12+8)/2$ em có thể nhập công thức $=(A1+B1)/2$ vào ô C1. Nội dung của ô C1 sẽ được tự động cập nhật mỗi khi nội dung trong các ô A1 và B1 thay đổi (hình 1.22b).

AVERAGE					
	A	B	C	D	E
1	12	8	$=(A1+B1)/2$		
2					
3					
4					

Hình 1.22b. Minh họa sử dụng địa chỉ trong công thức

Việc nhập công thức có chứa địa chỉ tương tự như nhập các công thức thông thường.

Để nhập địa chỉ của ô hay khối trong công thức, em có thể sử dụng chuột. Ví dụ, em có thể nhập công thức $= (A1+B1)/2$ vào ô C1 theo các bước sau:

Bước 1. Nháy chuột chọn ô C1 và gõ các kí hiệu $=$

Bước 2. Nháy chuột chọn ô A1.

Bước 3. Gõ dấu $+$.

Bước 4. Nháy chuột chọn ô B1.

Bước 5. Gõ các kí hiệu $/2$ và nhấn phím **Enter**.

- Các bước nhập công thức có chứa địa chỉ vào ô tính có khác với nhập công thức thông thường?
- Lợi ích của việc nhập công thức có chứa địa chỉ?